

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/4/2024

V/v “Xin ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương** và ông **Hà Ứng Cường**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị Kim Q**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TY, xã TL, huyện CT, tỉnh KG

* Bị đơn: Anh **Danh A**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TY, xã TL, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Thị Kim Q trình bày:* Vào năm 2007, chị và anh Danh A quen nhau và có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hòa thuận, hạnh phúc và 02 người

con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009 nhưng đến khoảng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên toà chị Thị Kim Q có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Danh A
- Về việc nuôi con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009. Không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Danh A trình bày:* Anh xác nhận đúng như lời chị Thị Kim Q trình bày về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung. Đối với yêu cầu của chị Thị Kim Quy thì tại phiên tòa án có ý kiến như sau: Anh Danh A không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim Q với lý do anh còn thương vợ thương con muốn chăm lo cho cuộc sống gia đình; Về con chung: Anh cũng yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim Q; cho chị Thị Kim Q được ly hôn với Danh A

- Về việc nuôi con chung: Giao 02 người con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009 cho chị Thị Kim Q chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu và cũng phù hợp nguyện vọng của các cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim Q thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Thị Kim Q yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Danh A và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009 nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

[3] - Về nội dung vụ án: Chị Thị Kim Q và anh Danh A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim Q yêu cầu ly hôn với anh Danh A: HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị Kim Q xác nhận, sau khi kết hôn thì giữa chị và anh Danh A chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì giữa chị và anh Danh A bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không cùng chung quan điểm, không có tiếng nói chung cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh Danh A cũng xác nhận như lời chị Thị Kim Q trình bày nhưng anh Danh A không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim Q do còn thương vợ

thương con. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa và trong các lần hòa giải thì chị Thị Kim Q vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Danh A do đó mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Thị Kim Q và anh Danh A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài xét thấy việc chị Thị Kim Q yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Danh A là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận cho chị Thị Kim Q ly hôn với anh Danh A.

[4] - Về con chung: Chị Thị Kim Q xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có với nhau 02 người con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009, hiện nay cháu đang đang sống cùng chị Thị Kim Q. Nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu anh Danh A cấp dưỡng nuôi con. Anh Danh A cũng yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung nêu trên và cũng không cần chị Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy kể từ khi anh chị mâu thuẫn nhau trong cuộc sống và đã sống ly thân cho đến nay thì cháu T và cháu K vẫn sinh sống với chị Thị Kim Q; Còn anh Danh A thì thường xuyên vắng nhà đi theo các công trình trong thời gian này chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu K và chị vẫn chăm sóc tốt cho các cháu nên HĐXX nghĩ cần tiếp tục giao cháu T và cháu K cho chị Thị Kim Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu, phù hợp theo nguyện vọng của các cháu và cũng là phù hợp với quy định của pháp luật do đó yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung của anh Danh A không có cơ sở chấp nhận. Anh Danh A vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc các con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị Thị Kim Q không yêu cầu anh Danh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Thị Kim Q và anh Danh A cũng thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu xem xét. Do đó, về phần tài sản chung

và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng chị được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001025 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Thị Kim Q đối với bị đơn anh Danh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thị Kim Q được ly hôn với bị đơn anh Danh A.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung Danh Minh T, sinh ngày 28/3/2007 và Danh Minh K, sinh ngày 12/8/2009 cho chị Thị Kim Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Thị Kim Q không yêu cầu anh Danh A cấp dưỡng nuôi con. Anh Danh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thị Kim Q và anh Danh A xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Thị Kim Q và anh Danh A xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị Kim Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001025 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc, Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu